

## **Công ty Cổ phần VNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021



# Công ty Cổ phần VNG

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 47

# Công ty Cổ phần VNG

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần VNG ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103002645 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 9 tháng 9 năm 2004 và các lần đăng ký thay đổi sau đó.

Hoạt động chính được đăng ký theo các GCNĐKKD của Công ty bao gồm:

- nghiên cứu và phát triển phần mềm;
- điều hành và phân phối các trò chơi trực tuyến;
- quảng cáo trực tuyến;
- thương mại điện tử;
- sản xuất linh kiện, máy vi tính, thiết bị ngoại vi, thiết bị viễn thông và đồ gia dụng;
- bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông, thiết bị nghe nhìn, đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác;
- cung cấp dịch vụ thu hộ cước phí và dịch vụ giá trị gia tăng: dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xử lý dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xây dựng, lưu trữ và khai thác cơ sở dữ liệu; và
- dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông và internet: dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xử lý số liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ trao đổi dữ liệu điện tử, và các dịch vụ khác chưa phân loại: dịch vụ thông tin qua điện thoại, hoạt động ghi âm (trừ karaoke), hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi, buôn bán thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông, tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính.

Công ty được chấp thuận việc đăng ký công ty đại chúng theo Công văn số 80/CQĐĐ-NV do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("SSC") ban hành ngày 29 tháng 1 năm 2011.

Công ty có trụ sở chính tại Số Z06 Đường 13, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

# Công ty Cổ phần VNG

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Hồng Minh	Chủ tịch
Ông Vương Quang Khải	Thành viên
Ông Vũ Việt Sơn	Thành viên
Ông Bryan Fredric Pelz	Thành viên
Bà Jung Won Byun	Thành viên

## BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Phương Thùy	Thành viên
Bà Nguyễn Vũ Ngọc Hân	Thành viên

## BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Hồng Minh	Tổng Giám đốc	
Ông Vương Quang Khải	Phó Tổng Giám đốc Thường trực	
Ông Nguyễn Lê Thành	Phó Tổng Giám đốc Công nghệ Thông tin	bổ nhiệm ngày 14 tháng 5 năm 2021
Ông Vũ Minh Trí	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 3 tháng 8 năm 2021
Ông Wong Kelly Yin Hon	Phó Tổng Giám đốc Khối Trò Chơi Trực Tuyến	
Ông Tan Wei Ming	Phó Tổng Giám đốc Tài chính	bổ nhiệm ngày 22 tháng 2 năm 2022
Ông Abhishek Mathur	Phó Tổng Giám đốc Nhân sự	

## NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Hồng Minh.

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần VNG

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần VNG ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Lê Hồng Minh  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2022

Số tham chiếu: 60752665/22633033-HN

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần VNG**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần VNG (“Công ty”) và các công ty con (“Tập đoàn”) được lập ngày 31 tháng 3 năm 2022 và được trình bày từ trang 6 đến trang 47, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Le Thị Phương  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN Kiểm toán  
Số: 1588-2018-004-1



Dương Thị Nữ  
Kiểm toán viên  
Giấy CNDKHN Kiểm toán  
Số: 3796-2021-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2022

10  
X  
H  
S  
/11  
-T  
=

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>7.278.409.705.974</b>	<b>6.081.612.196.957</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>5</b>	<b>2.467.216.728.754</b>	<b>2.495.234.370.345</b>
111	1. Tiền		1.290.861.728.754	1.032.109.426.129
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.176.355.000.000	1.463.124.944.216
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>2.579.620.738.189</b>	<b>2.049.182.453.425</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	2.579.620.738.189	2.049.182.453.425
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>1.808.648.452.723</b>	<b>1.056.519.464.111</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.1	486.578.274.386	455.483.231.029
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.2	312.854.995.903	82.054.384.797
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	31	-	27.828.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	1.011.275.911.024	492.752.568.375
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7.1	(2.060.728.590)	(1.598.720.090)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>118.189.096.189</b>	<b>124.860.098.353</b>
141	1. Hàng tồn kho		119.848.349.026	128.275.422.106
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.659.252.837)	(3.415.323.753)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>304.734.690.119</b>	<b>355.815.810.723</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	177.368.523.730	258.211.748.133
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	18	110.545.296.913	81.357.374.031
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	16.820.869.476	16.246.688.559
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.958.871.058.870</b>	<b>1.772.231.895.420</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>16.624.687.889</b>	<b>13.899.194.685</b>
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn		-	485.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	16.624.687.889	13.414.194.685
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>1.045.125.751.682</b>	<b>1.084.243.783.842</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	839.303.828.345	872.109.949.827
222	Nguyên giá		1.906.585.181.393	1.823.788.716.780
223	Giá trị hao mòn lũy kế		1.067.281.353.048)	(951.678.766.953)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	205.821.923.337	212.133.834.015
228	Nguyên giá		776.609.633.045	838.972.730.178
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(570.787.709.708)	(626.838.896.163)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>211.820.792.478</b>	<b>142.361.676.310</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	211.820.792.478	142.361.676.310
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>398.785.429.726</b>	<b>233.653.441.220</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	14.1	277.055.344.869	111.608.573.543
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	14.2	121.730.084.857	122.044.867.677
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>286.514.397.095</b>	<b>298.073.799.363</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	239.399.049.342	218.142.765.421
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30.3	37.683.549.532	69.331.473.385
269	3. Lợi thế thương mại	15	9.431.798.221	10.599.560.557
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>9.237.280.764.844</b>	<b>7.853.844.092.377</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>2.913.948.175.108</b>	<b>1.737.299.737.627</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>2.375.455.159.697</b>	<b>1.554.638.124.384</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	782.293.664.276	338.776.040.593
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	32.298.150.537	27.911.798.597
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	99.870.500.657	106.794.858.042
314	4. Phải trả người lao động		9.500.107.230	6.666.883.680
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	956.593.178.502	829.367.929.137
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	20	55.303.726.511	39.367.222.847
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	21	439.595.831.984	205.753.391.488
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>538.493.015.411</b>	<b>182.661.613.243</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	21	217.419.674	192.753.314
338	2. Vay dài hạn	22	174.125.000.000	-
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	30,3	352.174.014.239	171.925.620.429
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn	23	11.976.581.498	10.543.239.500
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>6.323.332.589.736</b>	<b>6.116.544.354.750</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>6.323.332.589.736</b>	<b>6.116.544.354.750</b>
411	1. Vốn cổ phần	24.1	358.442.620.000	353.022.930.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	24.1	1.133.299.050.771	1.125.647.020.771
415	3. Cổ phiếu quỹ	24.1	(1.943.352.107.086)	(1.943.352.107.086)
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	24.1	7.691.797.322	16.542.204.002
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	24.1	6.647.937.707.105	6.235.277.445.974
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		6.235.277.445.974	5.772.544.757.717
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		412.660.261.131	462.732.688.257
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	25	119.313.521.624	329.406.861.089
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>9.237.280.764.844</b>	<b>7.853.844.092.377</b>



Đỗ Thị Tuyết Nhung  
Người lập



Lê Trung Tín  
Kế toán trưởng



Lê Hồng Minh  
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	7.649.059.991.478	6.068.915.760.851
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	29	(4.105.496.321.001)	(3.410.727.448.082)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.543.563.670.477	2.658.188.312.769
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	26.2	228.205.734.790	247.113.382.082
22	5. Chi phí tài chính	27	(28.301.654.599)	(5.798.028.854)
24	6. Phần lỗ trong công ty liên kết	14.1	(8.011.478.194)	(6.140.586.677)
25	7. Chi phí bán hàng	29	(2.361.349.122.052)	(1.581.001.359.929)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	(1.112.078.734.564)	(745.776.468.443)
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		262.028.415.858	566.585.250.948
31	10. Thu nhập khác	28	13.157.524.189	4.555.878.428
32	11. Chi phí khác	28	(21.206.977.629)	(175.590.088.470)
40	12. Lỗ khác	28	(8.049.453.440)	(171.034.210.042)
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		253.978.962.418	395.551.040.906
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	(114.482.103.939)	(126.463.172.998)
52	15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	30.3	(211.896.317.663)	(68.169.020.532)
60	16. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế TNDN		(72.399.459.184)	200.918.847.376
61	17. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		412.660.261.131	462.732.688.257
62	18. Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát	25	(485.059.720.315)	(261.813.840.881)
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	16.056	18.267
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	32	15.033	16.964



Đỗ Thị Tuyết Nhung  
Người lập



Lê Trung Tín  
Kế toán trưởng



Lê Hồng Minh  
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>253.978.962.418</b>	<b>395.551.040.906</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao, hao mòn tài sản cố định và phân bổ lợi thế thương mại	11, 12, 15	325.985.789.839	382.358.572.223
03	Các khoản dự phòng		667.639.857	118.403.703.406
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		17.233.278	694.890.754
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(176.711.522.762)	(192.385.986.812)
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>403.938.102.630</b>	<b>704.622.220.477</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(810.387.693.332)	(273.930.995.125)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		6.465.370.807	(26.050.215.222)
11	Tăng các khoản phải trả		815.305.621.409	55.470.834.736
12	Giảm chi phí trả trước		59.586.940.482	148.892.036.537
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	18	(121.715.112.425)	(139.318.671.382)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>353.193.229.571</b>	<b>469.685.210.021</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(375.887.064.918)	(446.869.974.501)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		179.090.909	743.186.969
23	Tiền (chi) thu thuần gửi kỳ hạn ngân hàng		(530.438.284.764)	134.225.526.575
25	Tiền chi đầu tư vào đơn vị khác		(145.630.249.520)	(117.887.300.468)
27	Tiền lãi và cổ tức đã nhận		214.478.501.057	244.122.332.891
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(837.298.007.236)</b>	<b>(185.666.228.534)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận góp vốn của cổ đông không kiểm soát		286.607.421.350	475.514.100.504
32	Tiền ký quỹ mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(4.628.052.000)	(202.598.640.000)
33	Tiền thu từ đi vay	22	174.125.000.000	-
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>456.104.369.350</b>	<b>272.915.460.504</b>


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong năm		(28.000.408.315)	556.934.441.991
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		2.495.234.370.345	1.938.297.953.684
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ		(17.233.276)	1.974.670
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	5	2.467.216.728.754	2.495.234.370.345



Đỗ Thị Tuyết Nhung  
Người lập



Lê Trung Tín  
Kế toán trưởng



Lê Hồng Minh  
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần VNG ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103002645 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 9 tháng 9 năm 2004 và các lần đăng ký thay đổi sau đó.

Hoạt động chính được đăng ký theo các GCNĐKKD của Công ty bao gồm:

- nghiên cứu và phát triển phần mềm;
- điều hành và phân phối các trò chơi trực tuyến;
- quảng cáo trực tuyến;
- thương mại điện tử;
- sản xuất linh kiện, máy vi tính, thiết bị ngoại vi, thiết bị viễn thông và đồ gia dụng;
- bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông, thiết bị nghe nhìn, đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác;
- cung cấp dịch vụ thu hộ cước phí, dịch vụ giá trị tăng: dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xử lý dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xây dựng, lưu trữ và khai thác cơ sở dữ liệu; và
- dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông và internet: dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xử lý số liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ trao đổi dữ liệu điện tử, và các dịch vụ khác chưa phân loại: dịch vụ thông tin qua điện thoại, hoạt động ghi âm (trừ karaoke), hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi, buôn bán thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông, tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính.

Công ty được chấp thuận việc đăng ký công ty đại chúng theo Công văn số 80/CQĐĐ-NV do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("SSC") ban hành ngày 29 tháng 1 năm 2011.

Theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ban hành bởi Bộ Tài chính vào ngày 16 tháng 11 năm 2020, Công ty được phân loại là công ty đại chúng quy mô lớn.

Công ty có trụ sở chính tại Số Z06 Đường 13, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 3.557 người (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 2.832 người).

**Cơ cấu tổ chức**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 20 công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

Chi tiết về 20 công ty con đã được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn như sau:

<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích của Công ty</i>	<i>Quyền biểu quyết của Công ty</i>	<i>Địa điểm</i>	<i>Ngành nghề kinh doanh chính</i>
Công ty Cổ phần Dịch vụ - Dữ liệu Công nghệ Thông tin Vi Na ("VinaData")	99,94%	99,94%	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin
Công ty Cổ phần Công nghệ EPI ("EPI")	100,00%	100,00%	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Dịch vụ quảng cáo trực tuyến, thiết kế trang mạng, phần mềm và các công nghệ truyền thông
Công ty TNHH VNG Online ("VNG Online")	100,00%	100,00%	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ cổng thông tin và sản xuất phần mềm các loại
Công ty Cổ phần Dịch vụ mạng Vi Na ("Vinanet")	99,50%	99,50%	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ giá trị gia tăng trên di động và mạng viễn thông
Công ty TNHH Phát triển Phần mềm VNG ("VNGS")	100,00%	100,00%	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất và phát triển phần mềm các loại
Công ty TNHH Giải trí Long Đĩnh ("Long Đĩnh")	100,00%	100,00%	TP. Hà Nội, Việt Nam	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến
Công ty Cổ phần Zion ("Zion")	60,00%	60,00%	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ trung gian thanh toán
Công ty TNHH Truyền thông Minh Phương Thịnh ("MPT")	100,00%	100,00%	Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	Dịch vụ giá trị gia tăng trên di động và mạng viễn thông
Công ty TNHH VNG Data Center ("VNG Data Center")	99,94%	99,94%	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin
VNG Singapore Pte., Ltd. ("VNG Singapore")	99,94%	99,94%	Singapore	Phát triển và phân phối phần mềm, thiết bị và linh kiện máy tính; cung cấp dịch vụ liên quan đến phần mềm và hậu mãi
VNG Myanmar Company Limited ("VNG Myanmar")	99,94%	99,94%	Thành phố Yangon, Myanmar	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến
MLT Hong Kong Limited ("MLTHK")	100,00%	100,00%	Hong Kong	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến
VNG Games Co., Ltd ("VNG Games")	99,94%	99,94%	Thành phố Bangkok, Thái Lan	Phát triển và cập nhật game online và game trên điện thoại
Công ty Cổ phần XFM ("XFM")	99,93%	99,93%	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Ghi âm và xuất bản âm nhạc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

Chi tiết về 20 công ty con đã được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn như sau: (tiếp theo)

<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích của Công ty</i>	<i>Quyền biểu quyết của Công ty</i>	<i>Địa điểm</i>	<i>Ngành nghề kinh doanh chính</i>
Công ty TNHH ZingPlay Việt Nam ("ZPS") (trước đây là Công ty TNHH Nội dung số Nguyễn Bảo)	100,00%	100,00%	Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến
ZingPlay International Pte. Ltd. ("ZPI") (trước đây là MPT Entertainment Pte., Ltd.)	99,94%	99,94%	Singapore	Phát triển và phân phối phần mềm, thiết bị và linh kiện máy tính
Công ty TNHH Thương mại Dịch Vụ Truyền Thông Thanh Sơn ("Thanh Sơn")	60,00%	60,00%	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Kinh doanh thẻ trò chơi và thẻ viễn thông
Công ty Cổ phần Adtima ("Adtima")	99,999%	99,999%	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ quảng cáo trực tuyến
Công ty Cổ phần Fiza ("Fiza")	99,997%	99,997%	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ quảng cáo trực tuyến
Cloudverse Pte. Ltd ("Cloudverse")	80%	80%	Singapore	Tư vấn công nghệ thông tin và dịch vụ lưu trữ

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

**2.5 Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán công cụ, dụng cụ, hàng khuyến mãi, thẻ trò chơi trả trước và hàng hóa với giá trị được xác định bằng chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)**

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với công cụ, dụng cụ, hàng khuyến mãi, thẻ trò chơi trả trước và hàng hóa thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.4 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

*Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất ký với Khu Chế Xuất Tân Thuận Đông số 258/TTC-NV.13 vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 trong thời hạn 28 năm và số 078/TTC-NV.16 vào ngày 27 tháng 4 năm 2016 trong thời hạn 25 năm. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013, hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí dự án hay chi phí theo thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

**3.5 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	3 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Tài sản khác	2 - 5 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)**

Trường hợp các phần của một tài sản cố định hữu hình có thời hạn hữu dụng khác nhau, chi phí của phần đó được phân bổ hợp lý giữa các phần và được trích khấu hao riêng.

**3.6 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

*Phần mềm*

Phần mềm được ghi nhận theo giá gốc và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng hữu ích ước tính và thời gian mua phần mềm.

*Chi phí nghiên cứu và triển khai*

Toàn bộ chi phí nghiên cứu được ghi nhận vào chi phí phát sinh trong năm. Chi phí triển khai cho từng dự án chỉ được ghi nhận là tài sản cố định vô hình nếu Tập đoàn đồng thời thỏa mãn được các điều kiện sau:

- ▶ Tính khả thi về mặt kỹ thuật đảm bảo cho việc hoàn thành và đưa tài sản vô hình vào sử dụng hoặc để bán;
- ▶ Tập đoàn dự định hoàn thành tài sản cố định vô hình để sử dụng hoặc để bán;
- ▶ Tập đoàn có khả năng sử dụng hoặc bán tài sản cố định vô hình đó;
- ▶ Tài sản vô hình đó phải tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai;
- ▶ Tập đoàn có đầy đủ các nguồn lực để hoàn tất các giai đoạn triển khai, bán hoặc sử dụng tài sản cố định vô hình đó; và
- ▶ Có khả năng xác định một cách chắc chắn toàn bộ chi phí trong giai đoạn triển khai để tạo ra tài sản cố định vô hình đó.

Chi phí triển khai đã được vốn hóa được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế. Hao mòn chi phí triển khai được bắt đầu khi quá trình phát triển đã được hoàn thành và tài sản cố định vô hình đã sẵn sàng để sử dụng.

*Chi phí phát triển phần mềm trên trang mạng và phần mềm sử dụng nội bộ*

Tập đoàn ghi nhận tất cả chi phí phát triển phần mềm trên trang mạng và phần mềm sử dụng nội bộ phát sinh liên quan đến giai đoạn hoạch định và chi phí phát sinh liên quan đến việc sửa chữa hoặc bảo trì các trang mạng và phần mềm hiện hành vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Chi phí phát sinh trong giai đoạn phát triển đáp ứng các tiêu chuẩn vốn hóa chi phí phát triển được vốn hóa và phân bổ trong thời gian sử dụng ước tính.

*Tài sản cố định vô hình hình thành từ việc hợp nhất kinh doanh*

Giá gốc của tài sản cố định vô hình hình thành từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của tài sản (8 - 10 năm).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc và bao gồm:

*Trò chơi và phần mềm dở dang*

Trò chơi và phần mềm dở dang thể hiện chi phí đã phát sinh liên quan đến việc phát triển trò chơi và phần mềm dở dang chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

*Tài sản dở dang*

Tài sản dở dang thể hiện chi phí đã phát sinh liên quan đến việc mua sắm tài sản và xây dựng dở dang chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Chi phí này bao gồm chi phí xây dựng, lắp đặt thiết bị và các chi phí phát sinh trực tiếp khác cho đến khi tài sản được hoàn thành và đưa vào sử dụng.

Tập đoàn không trích khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang cho đến khi tài sản sẵn sàng để đưa vào sử dụng.

**3.8 Thuê tài sản**

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

**3.9 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính từ tám đến mười năm.

Định kỳ Công ty phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

**3.10 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

*Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)*

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được cần trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**3.11 Các khoản phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đang làm việc tại Tập đoàn được hơn 12 tháng tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

**3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi khoản đầu tư được thanh lý.

#### 3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt trong kỳ họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên.

#### 3.15 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

#### 3.16 Nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu

Ban Giám đốc đã quyết định không hạch toán nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho đến khi quyền mua được thực hiện mà chỉ trình bày các thông tin liên quan đến các nghiệp vụ này tại Thuyết minh số 34 của báo cáo tài chính hợp nhất do chưa có hướng dẫn cụ thể về cách hạch toán các nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

#### 3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu trò chơi trực tuyến*

Doanh thu được ghi nhận khi thẻ và/ hoặc mã số thẻ trò chơi trực tuyến hoặc tin nhắn được bán cho người sử dụng theo như quy định của Công văn số 7932/BTC-CĐKT ngày 27 tháng 6 năm 2006 do Bộ Tài chính ban hành.

Doanh thu trò chơi trực tuyến bao gồm khoản chiết khấu trên mệnh giá của thẻ. Tập đoàn ghi nhận doanh thu trên cơ sở thuần sau khi trừ các khoản chiết khấu cho các nhà phân phối.

##### *Doanh thu dịch vụ quảng cáo trực tuyến*

Doanh thu dịch vụ quảng cáo trực tuyến bao gồm doanh thu từ việc quảng cáo trên trang chủ của Tập đoàn, trên trang chủ của các trò chơi trực tuyến dưới hình thức băng rôn, các địa chỉ kết nối và biểu tượng, v.v và được ghi nhận dựa trên thời gian thực tế mà các quảng cáo này xuất hiện trên trang mạng tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.17 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

**3.18 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp chủ yếu bao gồm chi phí mua hàng hóa, chi phí mua phần mềm ban đầu, phí phần mềm theo doanh thu, chi phí triển khai và điều hành trò chơi, các chi phí liên quan đến trung tâm dữ liệu và các chi phí chung trực tiếp khác liên quan đến việc cung cấp dịch vụ và hàng hóa.

**3.19 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.19 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.20 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. ĐẠI DỊCH COVID-19**

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Tập đoàn đang hoạt động. Ban Giám đốc Tập đoàn vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, và đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	686.363.940	593.352.897
Tiền gửi ngân hàng	1.290.175.364.814	1.028.750.493.033
Tiền đang chuyển	-	2.765.580.199
Các khoản tương đương tiền (*)	1.176.355.000.000	1.463.124.944.216
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.467.216.728.754</b>	<b>2.495.234.370.345</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng và được hưởng lãi suất dao động từ 0,2% đến 3,85%/năm.

**6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn còn lại dưới một (1) năm và được hưởng lãi suất dao động từ 1,1% đến 6,5%/năm.

**7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

**7.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>481.388.503.795</b>	<b>453.292.827.368</b>
Công ty Truyền thông Viettel	42.746.916.793	107.876.374.361
Phải thu khách hàng khác	438.641.587.002	345.416.453.007
<b>Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 31)</b>	<b>5.189.770.591</b>	<b>2.190.403.661</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>486.578.274.386</b>	<b>455.483.231.029</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.060.728.590)	(1.598.720.090)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>484.517.545.796</b>	<b>453.884.510.939</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**  
(tiếp theo)

**7.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>311.439.595.903</b>	<b>81.164.384.797</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng An Phong	120.907.116.535	-
Tập trí Điện tử Tri thức Trực tuyến	67.395.100.000	32.372.018.410
Recess Company Limited	19.132.009.703	9.973.886.243
Trả trước cho người bán khác	104.005.369.665	38.818.480.144
<b>Trả trước cho bên liên quan</b> (Thuyết minh số 31)	<b>1.415.400.000</b>	<b>890.000.000</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>312.854.995.903</b>	<b>82.054.384.797</b>

**8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.011.275.911.024</b>	<b>492.752.568.375</b>
Đặt cọc mua cổ phiếu	509.962.500.000	-
Đặt cọc mua lại cổ phiếu đã phát hành (*)	335.358.059.500	330.730.007.500
Phải thu ngân hàng – dịch vụ trung gian thanh toán	66.636.524.271	42.898.461.004
Tiền lãi phải thu	59.308.993.272	77.719.056.558
Tạm ứng cho nhân viên	18.423.162.561	17.164.187.475
Đặt cọc cho các hoạt động kinh doanh	11.326.631.693	9.908.802.593
Phải thu khác	10.260.039.727	14.332.053.245
<b>Dài hạn – Đặt cọc cho các hoạt động kinh doanh</b>	<b>16.624.687.889</b>	<b>13.414.194.685</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.027.900.598.913</b>	<b>506.166.763.060</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu bên khác</i>	1.027.900.598.913	506.166.763.060

(\*) Số tiền này thể hiện khoản đặt cọc cho các cổ đông hiện hữu để mua lại cổ phiếu đã phát hành của Tập đoàn theo các hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng cổ phần đã ký kết.

**9. HÀNG TỒN KHO**

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	95.665.235.167	-	101.318.889.713	(1.961.702.273)
Công cụ, dụng cụ	19.501.617.692	-	23.741.638.148	-
Hàng khuyến mãi	4.681.496.167	(1.659.252.837)	3.214.894.245	(1.453.621.480)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>119.848.349.026</b>	<b>(1.659.252.837)</b>	<b>128.275.422.106</b>	<b>(3.415.323.753)</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**9. HÀNG TỒN KHO (tiếp theo)**

*Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho:*

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	3.415.323.753	2.408.852.912
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	244.119.691	1.006.470.841
Trừ: Xóa sổ hàng tồn kho trong năm	(2.000.190.607)	-
Số cuối năm	<u>1.659.252.837</u>	<u>3.415.323.753</u>

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>177.368.523.730</b>	<b>258.211.748.133</b>
Phí bản quyền phần mềm	103.461.859.083	193.734.852.289
Chi phí dịch vụ trả trước	56.668.447.313	42.826.067.340
Khác	17.238.217.334	21.650.828.504
<b>Dài hạn</b>	<b>239.399.049.342</b>	<b>218.142.765.421</b>
Tiền thuê đất trả trước	122.391.339.699	128.822.692.876
Công cụ, dụng cụ	67.683.437.927	42.664.300.790
Phí bản quyền âm nhạc	23.720.995.824	16.926.371.309
Chi phí sửa chữa văn phòng	20.190.260.966	22.034.469.829
Khác	5.413.014.926	7.694.930.617
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>416.767.573.072</u></b>	<b><u>476.354.513.554</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	671.112.064.801	958.671.929.086	18.887.498.643	116.489.970.593	58.627.253.657	1.823.788.716.780
Mua trong năm	272.600.000	105.520.150.690	11.371.452.454	20.166.628.693	174.900.000	137.505.731.837
Thanh lý và xóa sổ	-	(47.913.818.591)	(3.246.359.001)	(2.696.196.716)	(410.602.000)	(54.266.976.308)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính công ty con từ USD sang VND	-	(442.290.916)	-	-	-	(442.290.916)
Số cuối năm	671.384.664.801	1.015.835.970.269	27.012.592.096	133.960.402.570	58.391.551.657	1.906.585.181.393
<b>Trong đó:</b>						
Chưa sử dụng	-	-	2.316.363.636	3.848.347.583	-	6.164.711.219
Đã khấu hao hết	11.934.696.132	222.279.079.285	11.178.046.456	43.080.826.754	10.246.935.840	298.719.584.467
<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>						
Số đầu năm	52.735.321.835	791.486.351.213	14.418.221.621	65.097.722.409	27.941.149.875	951.678.766.953
Khấu hao trong năm	31.396.066.032	89.530.503.488	4.460.873.609	27.967.408.295	16.036.751.573	169.391.602.997
Thanh lý và xóa sổ	-	(47.913.818.591)	(2.872.514.824)	(2.513.796.758)	(204.363.551)	(53.504.493.724)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính công ty con từ USD sang VND	-	(284.523.178)	-	-	-	(284.523.178)
Số cuối năm	84.131.387.867	832.818.512.931	16.006.580.406	90.551.333.947	43.773.537.897	1.067.281.353.048
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	618.376.742.966	167.185.577.873	4.469.277.022	51.392.248.184	30.686.103.782	872.109.949.827
Số cuối năm	587.253.276.934	183.017.457.338	11.006.011.690	43.409.068.623	14.618.013.760	839.303.828.345

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

			VND
	<i>Phần mềm</i>	<i>Khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	801.795.608.314	37.177.121.864	838.972.730.178
Mua trong năm	44.880.067.377	700.000.000	45.580.067.377
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	115.360.324.689	-	115.360.324.689
Xóa sổ	(220.337.681.714)	-	(220.337.681.714)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính công ty con từ USD sang VND	(2.965.807.485)	-	(2.965.807.485)
Số cuối năm	<u>738.732.511.181</u>	<u>37.877.121.864</u>	<u>776.609.633.045</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	311.792.910.733	2.337.121.864	314.130.032.597
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số đầu năm	589.986.912.420	36.851.983.743	626.838.896.163
Hao mòn trong năm	155.042.953.051	383.471.455	155.426.424.506
Xóa sổ	(210.060.636.573)	-	(210.060.636.573)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính công ty con từ USD sang VND	(1.416.974.388)	-	(1.416.974.388)
Số cuối năm	<u>533.552.254.510</u>	<u>37.235.455.198</u>	<u>570.787.709.708</u>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	<u>211.808.695.894</u>	<u>325.138.121</u>	<u>212.133.834.015</u>
Số cuối năm	<u>205.180.256.671</u>	<u>641.666.666</u>	<u>205.821.923.337</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phần mềm trò chơi đang hoàn thiện	123.611.368.400	128.125.683.439
Dự án VNG Data Center	83.718.605.931	12.948.582.929
Khác	4.490.818.147	1.287.409.942
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>211.820.792.478</u></b>	<b><u>142.361.676.310</u></b>

**14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 14.1)	277.055.344.869	111.608.573.543
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 14.2)	121.730.084.857	122.044.867.677
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>398.785.429.726</u></b>	<b><u>233.653.441.220</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

**14.1 Đầu tư vào công ty liên kết**

	Ecotruck	Ti Ki	Tiki Global	Dorocať	Rocketeer	Day One	Beijing Youtu	VND Tổng cộng
<b>Giá trị đầu tư</b>								
Số đầu năm	80.815.000.000	510.119.999.037	-	33.093.946.920	-	-	-	624.028.945.957
Mua mới	-	-	-	-	-	138.120.000.000	35.338.249.520	173.458.249.520
Hoàn đổi và thay đổi tỷ lệ sở hữu	-	(510.119.999.037)	510.119.999.037	(33.093.946.920)	33.093.946.920	-	-	-
Số cuối năm	80.815.000.000	-	510.119.999.037	-	33.093.946.920	138.120.000.000	35.338.249.520	797.487.195.477
<b>Phản lũy kế lợi nhuận (lỗ) sau khi mua công ty liên kết</b>								
Số đầu năm	(1.424.248.404)	(510.119.999.037)	-	(876.124.973)	-	-	-	(512.420.372.414)
Phản lợi nhuận (lỗ) từ công ty liên kết	(8.655.862.810)	-	-	(3.309.465.975)	-	720.304.393	(16.132.390)	(11.261.156.782)
Hoàn đổi và thay đổi tỷ lệ sở hữu	-	510.119.999.037	(510.119.999.037)	4.185.590.948	(935.912.360)	-	-	3.249.678.588
Số cuối năm	(10.080.111.214)	-	(510.119.999.037)	-	(935.912.360)	720.304.393	(16.132.390)	(520.431.850.608)
<b>Giá trị còn lại</b>								
Số đầu năm	79.390.751.596	-	-	32.217.821.947	-	-	-	111.608.573.543
Số cuối năm	70.734.888.786	-	-	-	32.158.034.560	138.840.304.393	35.322.117.130	277.055.344.869

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

**14.1 Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)**

*Công ty Cổ phần Công nghệ Ecotruck ("Ecotruck")*

Ecotruck được thành lập theo GCNĐKKD số 0314715626 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 3 tháng 11 năm 2017. Ecotruck có trụ sở chính tại 139/1A đường Phan Đăng Lưu, Phường 2, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của Ecotruck là sản xuất phần mềm và hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

Vào ngày 12 tháng 5 năm 2021, Ecotruck đã hoàn tất tăng vốn điều lệ thêm 1.049.420.000 VND, tương ứng 109.942 cổ phiếu. Theo đó, phần vốn chủ sở hữu của Tập đoàn đối với Ecotruck giảm còn 18,18%.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Tập đoàn nắm giữ 18,18% quyền sở hữu của Ecotruck. Tập đoàn có quyền chỉ định một (1) trên ba (5) người của Ban Tổng giám đốc và tiếp tục có ảnh hưởng lớn mặc dù tỉ lệ quyền biểu quyết thấp hơn 20%.

*Tiki Global Pte. Ltd ("Tiki Global")*

Vào ngày 29 tháng 7 năm 2021, Tập đoàn đã hoàn tất hoán đổi khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Ti Ki ("Ti Ki") thành đầu tư vào Tiki Global với 4.639.533 cổ phiếu, trị giá 0,43 USD mỗi cổ phiếu. Tiki Global là một công ty trách nhiệm hữu hạn đăng ký tại Singapore. Hoạt động chính của Tiki là công ty đầu tư.

Từ ngày 4 tháng 8 năm 2021 đến ngày 8 tháng 11 năm 2021, Tiki Global đã hoàn tất tăng vốn điều lệ thêm 4.212.921 USD, tương ứng 9.797.490 cổ phiếu. Theo đó, phần vốn chủ sở hữu của Tập đoàn đối với Tiki Global giảm còn 15,2%.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Tập đoàn nắm giữ 15,2% quyền sở hữu của Tiki Global. Tập đoàn có quyền chỉ định hai (2) trên mười (10) người của Ban Tổng giám đốc và tiếp tục có ảnh hưởng lớn mặc dù tỉ lệ quyền biểu quyết thấp hơn 20%.

*Rocketeer Holding Limited ("Rocketeer")*

Vào ngày 22 tháng 11 năm 2021, Tập đoàn đã hoàn tất hoán đổi khoản đầu tư vào Dorocat Entertainment Co. Limited thành đầu tư vào Rocketeer với 1.765 cổ phiếu, trị giá 0,0001 USD mỗi cổ phiếu. Vào thời điểm này, Rocketeer đã hoàn tất tăng vốn điều lệ thêm 0,5098 USD, tương ứng 5.098 cổ phiếu. Theo đó, phần vốn chủ sở hữu của Tập đoàn đối với Rocketeer giảm còn 11,25%. Rocketeer là một công ty trách nhiệm hữu hạn đăng ký tại đảo Cayman. Hoạt động chính của Rocketeer là công ty đầu tư.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Tập đoàn nắm giữ 11,25% quyền sở hữu của Rocketeer. Tập đoàn có quyền chỉ định một (1) trên bốn (4) người của Ban Tổng giám đốc và tiếp tục có ảnh hưởng lớn mặc dù tỉ lệ quyền biểu quyết thấp hơn 20%.

*Công ty cổ phần DayOne ("Day One")*

Day One được thành lập theo GCNĐKKD số 0313249098 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 13 tháng 5 năm 2015. Day One có trụ sở chính tại Lầu 1-5, Tòa nhà 9-11 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của Day One là thương mại điện tử.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn nắm giữ 29,83% quyền sở hữu và quyền biểu quyết tương ứng của Day One.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

**14.1 Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)**

*Beijing Youtu Interactive Co., Ltd ("Beijing Youtu ")*

Beijing Youtu được thành lập theo GCNĐKKD số 91110105MA01YKF977 ngày 5 tháng 1 năm 2021. Beijing Youtu có trụ sở chính tại 576 Đông, 202B, Tầng 2, Tòa nhà 1, Số 1, Đường Lize Middle, Quận Trường Dương, Bắc Kinh, Trung Quốc. Hoạt động chính của Beijing Youtu là phân phối bản quyền trò chơi điện tử.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn nắm giữ 14% quyền sở hữu của Beijing Youtu. Tập đoàn có quyền chỉ định một (1) trên ba (3) người của Ban Tổng giám đốc và tiếp tục có ảnh hưởng lớn mặc dù tỉ lệ quyền biểu quyết thấp hơn 20%.

**14.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng (cổ phiếu)	Giá trị (VND)	Số lượng (cổ phiếu)	Giá trị (VND)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT	1.226.003	111.412.455.179	1.226.003	111.412.455.179
Trái phiếu của Victoria Shanghai Education Foundation Limited	-	10.317.629.678	-	10.632.412.498
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.226.003</b>	<b>121.730.084.857</b>	<b>1.226.003</b>	<b>122.044.867.677</b>



## Công ty Cổ phần VNG

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 15. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất các công ty con được trình bày như sau:

	VinaData	EPI	MPT	VNG Online	XFM	VND Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm và số cuối năm	9.814.811.229	11.920.046.178	591.115.321	26.343.737	11.025.955.237	33.378.271.702
<b>Phân bổ lũy kế</b>						
Số đầu năm	9.814.811.229	11.920.046.178	472.523.768	20.032.216	551.297.754	22.778.711.145
Phân bổ trong năm	-	-	61.873.853	3.292.967	1.102.595.516	1.167.762.336
Số cuối năm	9.814.811.229	11.920.046.178	534.397.621	23.325.183	1.653.893.270	23.946.473.481
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	-	-	118.591.553	6.311.521	10.474.657.483	10.599.560.557
Số cuối năm	-	-	56.717.700	3.018.554	9.372.061.967	9.431.798.221

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả người bán bên thứ ba</b>	<b>755.737.764.530</b>	<b>330.622.793.422</b>
Seasun Games Corporation Limited	228.886.747.168	5.324.059.260
Proxima Beta Pte Limited	203.988.533.885	89.211.511.337
Phải trả người bán khác	322.862.483.477	236.087.222.825
<b>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 31)</b>	<b>26.555.899.746</b>	<b>8.153.247.171</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>782.293.664.276</b>	<b>338.776.040.593</b>

**17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến Cộng Đồng Việt	4.110.231.600	1.515.742.200
Adyen Singapore PTE Limited	3.507.530.226	2.362.514
Phải trả người bán khác	24.680.388.711	26.393.693.883
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>32.298.150.537</b>	<b>27.911.798.597</b>

**18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND				
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Số cuối năm
<b>Phải thu</b>					
Thuế GTGT	81.357.374.031	40.330.303.839	(10.892.825.995)	(249.554.962)	110.545.296.913
Thuế TNDN	16.232.319.745	590.966.686	-	(2.416.955)	16.820.869.476
Thuế TNCN	14.368.814	-	(14.368.814)	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>97.604.062.590</b>	<b>40.921.270.525</b>	<b>(10.907.194.809)</b>	<b>(251.971.917)</b>	<b>127.366.166.389</b>
<b>Phải nộp</b>					
Thuế GTGT	43.479.388.418	531.075.481.670	(547.602.339.189)	(102.593.827)	26.849.937.072
Thuế nhà thầu nước ngoài	36.857.829.007	202.005.412.914	(207.356.515.204)	(3.268.483.515)	28.238.243.202
Thuế TNDN	21.789.806.962	114.693.954.138	(121.503.262.226)	122.632.400	15.103.131.274
Thuế TNCN	4.667.687.309	197.102.494.742	(172.046.901.163)	(44.238.125)	29.679.042.763
Thuế khác	146.346	280.734.452	(280.734.452)	-	146.346
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>106.794.858.042</b>	<b>1.045.158.077.916</b>	<b>(1.048.789.752.234)</b>	<b>(3.292.683.067)</b>	<b>99.870.500.657</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phí bản quyền phần mềm	407.184.276.078	424.652.135.520
Chi phí lương tháng 13	364.328.581.565	263.903.152.276
Chi phí quảng cáo	128.768.163.078	89.790.028.261
Mua tài sản cố định	9.732.013.843	17.713.838.691
Chi phí dịch vụ tư vấn	8.915.510.415	3.678.031.144
Doanh thu phân chia	554.888.225	1.429.172.125
Chi phí phải trả khác	37.109.745.298	28.201.571.120
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>956.593.178.502</u></b>	<b><u>829.367.929.137</u></b>

**20. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN**

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn thể hiện tiền nhận trước từ khách hàng để thực hiện các dịch vụ quảng cáo.

**21. PHẢI TRẢ KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>439.595.831.984</b>	<b>205.753.391.488</b>
Thu hộ	345.534.337.642	160.861.222.178
Thuê nhà thầu nước ngoài	54.990.988.817	12.420.732.848
Kinh phí công đoàn	19.568.283.752	14.897.685.260
Đặt cọc mua cổ phần	11.642.340.500	13.073.020.000
Phải trả khác	7.859.881.273	4.500.731.202
<b>Dài hạn - Nhận đặt cọc</b>	<b><u>217.419.674</u></b>	<b><u>192.753.314</u></b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>439.813.251.658</u></b>	<b><u>205.946.144.802</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả cho bên khác</i>	437.515.510.340	204.065.838.834
<i>Phải trả cho bên liên quan</i> <i>(Thuyết minh số 31)</i>	2.297.741.318	1.880.305.968

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. VAY DÀI HẠN**

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	VND Số cuối năm
Vay ngân hàng	-	174,125,000,000	-	174,125,000,000

Tập đoàn có khoản vay từ ngân hàng với mục đích tài trợ cho dự án "Trung tâm dữ liệu và sản xuất phần mềm". Chi tiết được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	174.125.000.000	Từ ngày 26 tháng 8 năm 2023 đến ngày 26 tháng 2 năm 2024	7,4	Tiền thuê đất, chi phí xây dựng, chi phí máy móc thiết bị cho dự án "Trung tâm dữ liệu và sản xuất phần mềm"

**23. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN**

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện khoản trợ cấp thời việc phải trả được trích lập theo Điều 48 của Bộ luật Lao động, như được đề cập trong *Thuyết minh số 3.12*.

# Công ty Cổ phần VNG

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 24.1 Tính hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND
<b>Năm trước:</b>						
Số đầu năm	353.022.930.000	1.125.647.020.771	(1.943.352.107.086)	18.617.648.429	5.772.544.757.717	5.326.480.249.831
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	462.732.688.257	462.732.688.257
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính công ty con từ USD sang VND	-	-	-	(2.075.444.427)	-	(2.075.444.427)
Số cuối năm	353.022.930.000	1.125.647.020.771	(1.943.352.107.086)	16.542.204.002	6.235.277.445.974	5.787.137.493.661
<b>Năm nay:</b>						
Số đầu năm	353.022.930.000	1.125.647.020.771	(1.943.352.107.086)	16.542.204.002	6.235.277.445.974	5.787.137.493.661
Phát hành cổ phiếu mới theo chương trình ESOP	5.419.690.000	7.652.030.000	-	-	-	13.071.720.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	412.660.261.131	412.660.261.131
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính công ty con từ USD sang VND	-	-	-	(8.850.406.680)	-	(8.850.406.680)
Số cuối năm	358.442.620.000	1.133.299.050.771	(1.943.352.107.086)	7.691.797.322	6.647.937.707.105	6.204.019.068.112

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**24.2 Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	35.844.262	35.302.293
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	35.844.262	35.302.293
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	25.873.560	25.331.591
Số lượng cổ phiếu quỹ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.970.702	9.970.702

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết không hạn chế.

**25. LỢI ÍCH CÁC CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	329.406.861.089	128.553.621.466
Góp vốn từ các cổ đông không kiểm soát	274.966.380.850	462.667.080.504
Lỗ thuần trong năm	(485.059.720.315)	(261.813.840.881)
Số cuối năm	<u>119.313.521.624</u>	<u>329.406.861.089</u>

**26. DOANH THU**

**26.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Dịch vụ trò chơi trực tuyến	6.156.948.218.962	4.759.675.852.868
Dịch vụ quảng cáo trực tuyến	1.001.128.451.283	983.108.603.335
Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông và internet	444.575.899.215	294.611.977.078
Dịch vụ nhạc chờ và bản quyền bài hát	31.383.663.397	11.542.776.124
Khác	15.023.758.621	19.976.551.446
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>7.649.059.991.478</u></b>	<b><u>6.068.915.760.851</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	7.631.745.598.587	6.060.588.804.897
<i>Doanh thu đối với bên liên quan</i>	17.314.392.891	8.326.955.954

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. DOANH THU** (tiếp theo)

**26.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lãi	171.313.377.771	222.612.281.021
Lãi chênh lệch tỷ giá	32.137.297.019	19.520.573.070
Cổ tức được chia	24.755.060.000	4.980.527.991
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>228.205.734.790</u></b>	<b><u>247.113.382.082</u></b>

**27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ chênh lệch tỷ giá	<u>28.301.654.599</u>	<u>5.798.028.854</u>

**28. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>	<b>13.157.524.189</b>	<b>4.555.878.428</b>
Khoản hỗ trợ từ đối tác	10.721.323.673	1.081.227.357
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	-	743.186.969
Lãi từ thanh lý công cụ dụng cụ	-	471.208.834
Bồi thường nhận được khi chấm dứt hợp đồng	-	393.808.343
Thu nhập khác	2.436.200.516	1.866.446.925
<b>Chi phí khác</b>	<b>(21.206.977.629)</b>	<b>(175.590.088.470)</b>
Chi phí xóa sổ tài sản	(14.557.360.778)	(39.511.009.327)
Dự phòng tổn thất tài sản	-	(114.841.635.615)
Chi phí khác	(6.649.616.851)	(21.237.443.528)
<b>LỖ THUẬN KHÁC</b>	<b><u>(8.049.453.440)</u></b>	<b><u>(171.034.210.042)</u></b>

**29. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.058.783.268.100	2.164.891.411.984
Chi phí nhân viên	2.105.859.949.112	1.532.494.106.832
Phí bản quyền phần mềm	1.905.732.541.305	1.463.329.593.793
Chi phí khấu hao và phân bổ lợi thế thương mại (Thuyết minh số 11, 12 và 15)	325.985.789.839	382.358.572.223
Công cụ, dụng cụ	63.720.310.491	88.295.969.664
Chi phí khác	118.842.318.770	106.135.621.958
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>7.578.924.177.617</u></b>	<b><u>5.737.505.276.454</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) với thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế thu được từ tất cả các hoạt động kinh doanh, ngoại trừ các khoản miễn và/hoặc giảm sau đây:

- VNGS được miễn thuế TNDN trong bốn năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế (năm 2012) và thuế suất ưu đãi 5% cho chín năm tiếp theo sau và 10% cho những năm còn lại tới hết 2026.
- VNG Singapore có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 17%.
- VNG Myanmar có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 25%.
- ZPI có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với tỷ lệ 17%.
- MLT HK có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với tỷ lệ 8,25% trên 2 triệu HKD lợi nhuận đầu tiên tính thuế từ năm đầu tiên và thuế suất 16,5% cho phần lợi nhuận tính thuế còn lại.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**30.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	114.482.103.939	126.463.172.998
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	<u>211.896.317.663</u>	<u>68.169.020.532</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>326.378.421.602</u></b>	<b><u>194.632.193.530</u></b>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b><u>253.978.962.418</u></b>	<b><u>395.551.040.906</u></b>
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho các công ty trong Tập đoàn	48.489.131.256	62.572.550.188
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Lỗ thuế chưa ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại	318.885.094.238	137.196.717.432
Chi phí không được khấu trừ thuế	4.307.706.160	2.618.175.830
Thuế TNDN được miễn, giảm	(42.330.452.243)	(11.494.285.504)
Khác	<u>(2.973.057.809)</u>	<u>3.739.035.584</u>
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b><u>326.378.421.602</u></b>	<b><u>194.632.193.530</u></b>

**30.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Tập đoàn khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.



# Công ty Cổ phần VNG

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

### 30.3 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước	
Lỗ có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế tương lai	24.325.427.360	49.563.396.782	(25.237.969.422)	25.278.367.273	
Dự phòng tổn thất tài sản	4.249.050.761	9.816.338.957	(5.567.288.196)	5.283.419.094	
Lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	3.593.323.531	3.023.019.824	570.303.707	1.176.878.448	
Chi phí phải trả	2.931.185.343	1.269.218.165	1.661.967.178	206.570.966	
Dự phòng trợ cấp thôi việc	1.960.713.102	1.674.044.703	286.668.399	300.222.973	
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	326.235.738	683.064.751	(356.829.013)	202.710.169	
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	274.968.246	258.900.692	16.067.554	144.519.529	
Chênh lệch tỷ giá hối đoái từ đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	22.645.451	42.627.686	(19.982.235)	93.470.181	
Các khoản trợ cấp chi phí vốn	-	2.230.105.625	(2.230.105.625)	(11.419.900.139)	
Điều chỉnh chênh lệch do áp dụng phương pháp khấu hao tài sản cố định vô hình khác nhau	-	770.756.200	(770.756.200)	1.295.096.619	
Dự phòng đầu tư dài hạn vào công ty con	-	-	-	42.259.369.014	
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>37.683.549.532</b>	<b>69.331.473.385</b>			
Hao mòn bản quyền phần mềm trò chơi và khấu hao máy móc	(7.385.774.765)	-	(7.385.774.765)	26.394.893.280	
Khác biệt cơ sở ghi nhận doanh thu	(36.626.985.440)	(48.321.367.546)	11.694.382.106	(35.780.385.056)	
Dự phòng đầu tư dài hạn vào công ty con	(308.161.254.034)	(123.604.252.883)	(184.557.001.151)	(123.604.252.883)	
<b>Thuế TNDN hoãn lại phải trả</b>	<b>(352.174.014.239)</b>	<b>(171.925.620.429)</b>			
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>			<b>(211.896.317.663)</b>	<b>(68.169.020.532)</b>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**30.4 Lỗ thuế chuyển sang từ năm trước**

Tập đoàn được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được, Zion, VNG, XFM, VNN và VNG Games được phép chuyển lỗ trong vòng năm (5) năm và VNG Sing chi nhánh Đài Loan được phép chuyển lỗ trong vòng mười (10) năm tính từ năm phát sinh khoản lỗ đó, các công ty còn lại được phép chuyển lỗ vô thời hạn. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Tập đoàn có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 2.887.074.753.080 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 1.558.793.245.848 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2021	VND	
				Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>Zion</b>					
2016	2021	25.498.262.601	-	(25.498.262.601)	-
2017	2022	30.736.573.252	-	-	30.736.573.252
2018	2023	180.589.964.996	-	-	180.589.964.996
2019 (*)	2024	344.902.359.223	-	-	344.902.359.223
2020 (*)	2025	685.983.587.158	-	-	685.983.587.158
2021 (*)	2026	1.229.426.701.077	-	-	1.229.426.701.077
<b>VNG (*)</b>					
2021	2026	254.223.078.671	-	-	254.223.078.671
<b>VNG Singapore (*)</b>					
2017	Vô thời hạn	103.211.418.980	(40.949.553.346)	-	62.261.865.634
2020	Vô thời hạn	13.388.373.381	-	-	13.388.373.381
<b>ZPI (*)</b>					
2021	Vô thời hạn	35.137.712.200	-	-	35.137.712.200
<b>VNG Sing chi nhánh Đài Loan (*)</b>					
2021	2031	22.035.277.603	-	-	22.035.277.603
<b>XFM (*)</b>					
2020	2025	5.735.187.541	-	-	5.735.187.541
2021	2026	16.312.706.534	-	-	16.312.706.534
<b>VNG Games (*)</b>					
2021	2026	6.341.365.810	-	-	6.341.365.810
<b>Vinanet (*)</b>					
2018	2023	3.064.657.534	(3.064.657.534)	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>2.956.587.226.561</b>	<b>(44.014.210.880)</b>	<b>(25.498.262.601)</b>	<b>2.887.074.753.080</b>

(\*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế trị giá là 2.747.910.158.452 VND của Zion, VNG và XFM do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**31. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm không cần bảo đảm và không có lãi suất.

Những nghiệp vụ trọng yếu với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau:

VND				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Day One	Công ty liên kết	Góp vốn	138.120.000.000	-
		Mua dịch vụ	2.682.931.360	-
		Cho vay	-	27.828.000.000
Tencent Technology (Shenzhen) Co. Ltd ("Tencent Shenzhen")	Bên liên quan	Phí bản quyền phần mềm	28.323.694.078	37.536.626.578
Tencent Technology (Shanghai) Co. Ltd ("Tencent Shanghai")	Bên liên quan	Phí bản quyền phần mềm	17.748.388.629	-
Tencent Mobile International Ltd.	Bên liên quan	Doanh thu cung cấp dịch vụ quảng cáo	5.739.715.969	17.757.090.909
Ti Ki	Công ty liên kết	Doanh thu cung cấp dịch vụ quảng cáo	17.314.392.891	4.010.387.000
		Dịch vụ hỗ trợ thanh toán trực tuyến	-	4.316.568.954
		Góp vốn	-	3.840.213.300
Ecotruck	Công ty liên kết	Góp vốn	-	80.815.000.000
Dorocat	Công ty liên kết	Góp vốn	-	33.093.946.920

**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc bao gồm lương và các chi phí liên quan như sau:

VND		
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thành viên Ban Giám đốc	24.677.890.419	21.757.689.617
Thành viên Hội đồng Quản trị	6.498.242.181	6.082.002.395
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>31.176.132.600</b>	<b>27.839.692.012</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**31. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Số dư phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

				VND	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	
<b><i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 7.1)</i></b>					
Tencent Mobile International Ltd.	Bên liên quan	Doanh thu cung cấp dịch vụ quảng cáo	2.663.137.500	-	
Ti Ki	Công ty liên kết	Doanh thu cung cấp dịch vụ quảng cáo	2.526.633.091	2.190.403.661	
			<b><u>5.189.770.591</u></b>	<b><u>2.190.403.661</u></b>	
<b><i>Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 7.2)</i></b>					
Ti Ki	Công ty liên kết	Bán thẻ trò chơi trả trước	1.415.400.000	890.000.000	
<b><i>Phải thu về cho vay ngắn hạn</i></b>					
Day One	Công ty liên kết	Cho vay	-	27.828.000.000	
<b><i>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 16)</i></b>					
Tencent Shenzhen	Bên liên quan	Phí bản quyền phần mềm	24,451,290,341	8,153,247,171	
Tencent Shanghai	Bên liên quan	Phí bản quyền phần mềm	1,485,623,805	-	
Day One	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	618.985.600	-	
			<b><u>26.555.899.746</u></b>	<b><u>8.153.247.171</u></b>	
<b><i>Chi phí phải trả ngắn hạn</i></b>					
Tencent Shenzhen	Bên liên quan	Phí bản quyền phần mềm	11.342.260.265	31.913.047.827	
Tencent Shanghai	Bên liên quan	Phí bản quyền phần mềm	784.728.258	-	
			<b><u>12.126.988.523</u></b>	<b><u>31.913.047.827</u></b>	
<b><i>Phải trả khác (Thuyết minh số 21)</i></b>					
Ti Ki	Công ty liên kết	Thu hộ	2.297.741.318	1.880.305.968	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**32. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	412.660.261.131	462.732.688.257
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm	<u>25.701.648</u>	<u>25.331.591</u>
Điều chỉnh số lượng cổ phiếu bình quân do ảnh hưởng của cổ phiếu tiềm năng có thể được chuyển đổi từ ESOP II	48.432	162.606
Điều chỉnh số lượng cổ phiếu bình quân do ảnh hưởng của cổ phiếu tiềm năng có thể được chuyển đổi từ ESOP III	800.252	931.951
Điều chỉnh số lượng cổ phiếu bình quân do ảnh hưởng của cổ phiếu tiềm năng có thể được chuyển đổi từ chương trình quyền chọn mua cho nhà cung cấp dịch vụ trò chơi trực tuyến	<u>900.231</u>	<u>851.084</u>
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng trong năm	<u>27.449.689</u>	<u>27.277.232</u>
<b>Lãi trên mỗi cổ phiếu</b>		
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	16.056	18.267
Lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	15.033	16.964

**33. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Tập đoàn hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động với các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	52.306.114.691	47.104.662.002
Từ 1 đến 5 năm	<u>60.318.772.202</u>	<u>66.174.438.995</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>112.624.886.893</b></u>	<u><b>113.279.100.997</b></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

#### 34. NGHIỆP VỤ CHI TRẢ BẰNG CỔ PHIẾU

Ban Giám đốc của Công ty đã quyết định không hạch toán nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu trên báo tài chính hợp nhất cho đến khi quyền mua được thực hiện mà chỉ trình bày các thông tin liên quan đến các nghiệp vụ này trong thuyết minh bên dưới do chưa có hướng dẫn cụ thể về cách hạch toán các nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành. Chi tiết các nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu như sau:

##### **Chương trình quyền chọn mua cho nhà cung cấp dịch vụ trò chơi trực tuyến**

Công ty đã ký Hợp đồng Quyền chọn mua cổ phiếu phổ thông ("Hợp đồng Quyền chọn") với một nhà cung cấp trò chơi trực tuyến vào ngày 1 tháng 8 năm 2010. Theo hợp đồng này, nhà cung cấp trò chơi trực tuyến được cấp số lượng quyền mua cổ phiếu phổ thông ("quyền mua") tối đa là 1.859.251 cổ phiếu phổ thông của Công ty với mức giá đã được ấn định là 8,0678 USD/cổ phiếu.

Theo Hợp đồng Quyền chọn, nhà cung cấp trò chơi trực tuyến có thể thực hiện quyền mua (1.549.375 cổ phiếu phổ thông) với số lượng bằng nhau hàng quý bắt đầu từ ngày 1 tháng 8 năm 2010 đến ngày 31 tháng 7 năm 2016. Nếu Công ty hoàn thành việc phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng ("IPO") trước ngày 31 tháng 7 năm 2016, tất cả quyền chọn mua 1.859.251 cổ phiếu thường của Công ty sẽ được thực hiện ngay lập tức trước khi IPO.

Theo Phụ lục C sửa đổi ngày 24 tháng 10 năm 2014 ("Phụ lục C"), quyền mua 1.032.917 cổ phiếu phổ thông đã được thỏa mãn với các điều kiện theo Hợp đồng Quyền chọn và nhà cung cấp trò chơi trực tuyến có toàn quyền thực hiện các quyền đó theo thời gian hoặc bất cứ lúc nào, với điều kiện là tất cả quyền chọn sẽ được thực hiện trước hoặc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021. Việc đăng ký quyền mua 516.458 cổ phiếu phổ thông theo Hợp đồng Quyền chọn và quyền chọn mua 309.876 cổ phiếu phổ thông còn lại (có nghĩa là 1.859.251 cổ phiếu phổ thông trừ đi 1.549.375 cổ phiếu phổ thông) sẽ không có hiệu lực kể từ ngày ký Phụ lục 2, và không bên nào có quyền yêu cầu bên kia bồi thường cho việc không thực hiện quyền này.

Theo Phụ lục 3 sửa đổi ngày 24 tháng 12 năm 2021 ("Phụ lục 3") của Hợp đồng Quyền chọn, các bên đã đồng ý kéo dài ngày thực hiện của Thỏa thuận Quyền chọn đến ngày 31 tháng 12 năm 2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**34. NGHIỆP VỤ CHI TRẢ BẰNG CỔ PHIẾU (tiếp theo)**

**Chương trình cổ phiếu cho nhân viên lần II (“ESOP II”)**

Công ty có ESOP II, cho phép nhân viên có quyền mua cổ phiếu với giá 20.000 VND/cổ phiếu. Theo đó, tổng số quyền mua cổ phiếu là 3.551.232 và được cấp đến hết năm 2018.

**1. Kế hoạch thực hiện**

Quyền mua đến hạn thực hiện hàng năm trong vòng 5 năm, tính từ ngày cấp đầu tiên. Các quyền mua được cấp sau ngày 28 tháng 5 năm 2015 được thực hiện trong vòng 3-4 năm kể từ ngày cấp đầu tiên.

**2. Các điều khoản**

- (i) Với mỗi 12 tháng kể từ ngày cấp quyền, nhân viên được phép thực hiện 20% tổng số quyền mua cổ phần được cấp (làm tròn xuống đến hàng đơn vị). Đối với quyền mua được cấp sau ngày 28 tháng 5 năm 2015, tỷ lệ này là 33,33% (hoặc 25% trong trường hợp đặc biệt).
- (ii) Quyền mua cổ phần được thực hiện mỗi năm hai đợt từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 1 và từ ngày 1 tháng 7 đến ngày 30 tháng 7 hàng năm. Quyền mua cổ phần đã phát sinh trong một năm chỉ được thực hiện trong đợt thực hiện quyền tương ứng của năm đó. Quá thời hạn trên, toàn bộ quyền mua cổ phần chưa được thực hiện sẽ bị hủy bỏ.

**3. Điều kiện**

- (i) Quyền chọn mua sẽ bị hủy bỏ nếu điều kiện đã cam kết không đạt được.
- (ii) Chính sách này sẽ được thay đổi tùy từng thời điểm phụ thuộc vào quyết định của Công ty.

Biến động của số lượng quyền mua ESOP II đã cấp và giá thực hiện trong năm được trình bày như sau:

	Năm nay		Năm trước	
	Giá (VND)	Số lượng quyền mua	Giá (VND)	Số lượng quyền mua
Số dư tại ngày 1 tháng 1	20.000	130.992	20.000	466.575
Mất quyền mua trong năm	20.000	-	20.000	(16.848)
Thực hiện quyền mua trong năm	20.000	(88.492)	20.000	(318.735)
Số dư tại ngày 31 tháng 12		<u>42.500</u>		<u>130.992</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**34. NGHIỆP VỤ CHI TRẢ BẰNG CỔ PHIẾU (tiếp theo)**

**Chương trình cổ phiếu cho nhân viên lần III (“ESOP III”)**

Công ty có ESOP III, cho phép nhân viên có quyền mua cổ phiếu với giá 30.000 VND/cổ phiếu. Theo đó, tổng số quyền mua cổ phiếu là 2.921.832 và được cấp từ tháng 7 năm 2018 đến hết năm 2023.

**1. Kế hoạch thực hiện**

Quyền mua đến hạn thực hiện hàng năm trong vòng 3 hoặc 4 năm, tính từ ngày cấp đầu tiên.

**2. Các điều khoản**

(i) Với mỗi 12 tháng kể từ ngày cấp quyền, nhân viên được phép thực hiện 33,33% (hoặc 25% trong trường hợp đặc biệt) tổng số quyền mua cổ phần được cấp (làm tròn xuống đến hàng đơn vị).

(ii) Quyền mua cổ phần được thực hiện mỗi năm hai đợt từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 1 và từ ngày 1 tháng 7 đến ngày 30 tháng 7 hàng năm. Quyền mua cổ phần đã phát sinh trong một năm chỉ được thực hiện trong đợt thực hiện quyền tương ứng của năm đó. Quá thời hạn trên, toàn bộ quyền mua cổ phần chưa được thực hiện sẽ bị hủy bỏ.

**3. Điều kiện**

(i) Quyền chọn mua sẽ bị hủy bỏ nếu điều kiện đã cam kết không đạt được.

(ii) Chính sách này sẽ được thay đổi tùy từng thời điểm phụ thuộc vào quyết định của Công ty.

Biến động của số lượng quyền mua ESOP III đã cấp và giá thực hiện trong năm được trình bày như sau:

	Năm nay		Năm trước	
	Giá (VND)	Số lượng quyền mua	Giá (VND)	Số lượng quyền mua
Số dư tại ngày 1 tháng 1	30.000	868.563	30.000	777.160
Cấp trong năm	30.000	187.725	30.000	376.250
Mất quyền mua trong năm	30.000	(26.388)	30.000	(61.613)
Thực hiện quyền mua trong năm	30.000	(325.013)	30.000	(223.234)
Số dư tại ngày 31 tháng 12		<u>704.887</u>		<u>868.563</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**35. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Vào ngày 6 tháng 1 năm 2022, Tập đoàn đã hoàn tất góp vốn với giá trị 397 USD vào Telio Pte., Ltd. ("Telio"), tương đương với 1 cổ phiếu ưu đãi và bổ nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị vào Telio. Theo đó, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể đến Telio và Telio trở thành công ty liên kết của Tập đoàn kể từ ngày này.

Vào ngày 25 tháng 2 năm 2022, Tập đoàn đã hoàn tất góp vốn với giá trị 22.499.990 USD vào Funding Asia Group Pte. Ltd. ("Funding Asia"), tương đương với 877.973 cổ phiếu ưu đãi và bổ nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị vào Funding Asia. Theo đó, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể đến Funding Asia và Funding Asia trở thành công ty liên kết của Tập đoàn kể từ ngày này.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.



Đỗ Thị Tuyết Nhung  
Người lập



Lê Trung Tín  
Kế toán trưởng



Lê Hồng Minh  
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2022




## **EY | Building a better working world**

**EY exists to build a better working world, helping to create long-term value for clients, people and society and build trust in the capital markets.**

**Enabled by data and technology, diverse EY teams in over 150 countries provide trust through assurance and help clients grow, transform and operate.**

**Working across assurance, consulting, law, strategy, tax and transactions, EY teams ask better questions to find new answers for the complex issues facing our world today.**

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via [ey.com/privacy](https://ey.com/privacy). EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit [ey.com](https://ey.com).

© 2022 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

[ey.com/en\\_vn](https://ey.com/en_vn) | [ey.com/vi\\_vn](https://ey.com/vi_vn)